

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2025
Kỳ báo cáo: Tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công và Văn bản số 2346/BTC-ĐT ngày 10/03/2022 về việc báo cáo tình hình giải ngân hàng quý, xác định nhu cầu giải ngân Quý tiếp theo theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ; trên cơ sở tổng hợp của các Sở Tài chính tại Văn bản số 149/STC-QLNS ngày 10/3/2025, UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 3 năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công:

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 9.382 tỷ đồng, trong đó: vốn kế hoạch năm 2025: 9.382 tỷ đồng
- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề của phần vốn kế hoạch năm 2025: 1.023 tỷ đồng, đạt 10,91% so với kế hoạch giao.
- Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo của phần vốn kế hoạch năm 2025: 1.745 tỷ đồng, đạt 18,6% so với kế hoạch giao.

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01a/TTKHN)

II. Nhận xét, đánh giá:

Để hoàn thành kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 và UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 18/12/2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị: KBNN tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương và các Chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2025 được giao ngay từ đầu năm, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đạt hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

III. Giải pháp:

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, theo đó, yêu cầu các đơn vị khẩn trương, chủ động thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo mục tiêu theo các mốc thời gian 30/4/2025; 30/6/2025; 30/9/2025 và 31/12/2025 để phấn đấu hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả, giúp cho công tác điều hành ngân sách trên địa bàn tỉnh được ổn định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực XIII;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2025 - THÁNG 3

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Nhu cầu thanh toán tháng 3/2025		
		Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	9.381.579	-	8.412.548	9.381.579	1.023.474	-	-	-	1.023.474	944.313	79.161	1.745.134	-	1.745.134	721.660	-	721.660
*	VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)	9.381.579	-	8.412.548	9.381.579	1.023.474	-	-	-	1.023.474	944.313	79.161	1.745.134	-	1.745.134	721.660	-	721.660
	(1) VỐN TRONG NƯỚC	9.211.284	-	8.242.253	9.211.284	995.184	-	-	-	995.184	916.131	79.053	1.703.744	-	1.703.744	708.560	-	708.560
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.170.071	-	7.201.040	8.170.071	847.623	-	-	-	847.623	771.533	76.090	1.476.090	-	1.476.090	628.467	-	628.467
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:	911.508	-	911.508	911.508	152.415	-	-	-	152.415	149.344	3.071	222.531	-	222.531	70.116	-	70.116
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:	646.484	-	646.484	646.484	94.800	-	-	-	94.800	94.692	107	144.529	-	144.529	49.730	-	49.730
	Vốn trong nước	476.189	-	476.189	476.189	66.510	-	-	-	66.510	66.510	-	103.140	-	103.140	36.630	-	36.630
	Vốn nước ngoài	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:	265.024	-	265.024	265.024	57.615	-	-	-	57.615	54.651	2.964	78.001	-	78.001	20.386	-	20.386
	Vốn trong nước	265.024	-	265.024	265.024	57.615	-	-	-	57.615	54.651	2.964	78.001	-	78.001	20.386	-	20.386
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH (A.2+B.2)															-	-	-
A	ĐỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ															-	-	-
	Bộ...															-	-	-
B	ĐỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	9.381.579	-	8.412.548	9.381.579	1.023.474	-	-	-	1.023.474	944.313	79.161	1.745.134	-	1.745.134	721.660	-	721.660
	Vốn trong nước	9.211.284	-	8.242.253	9.211.284	995.184	-	-	-	995.184	916.131	79.053	1.703.744	-	1.703.744	708.560	-	708.560
	Vốn nước ngoài, trong đó:	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B.1	Vốn NSNN	9.381.579	-	8.412.548	9.381.579	1.023.474	-	-	-	1.023.474	944.313	79.161	1.745.134	-	1.745.134	721.660	-	721.660
	Vốn trong nước	9.211.284	-	8.242.253	9.211.284	995.184	-	-	-	995.184	916.131	79.053	1.703.744	-	1.703.744	708.560	-	708.560
	Vốn nước ngoài, trong đó:	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương	8.170.071	-	7.201.040	8.170.071	847.623	-	-	-	847.623	771.533	76.090	1.476.090	-	1.476.090	628.467	-	628.467
2	Vốn ngân sách trung ương	1.211.508	-	1.211.508	1.211.508	175.851	-	-	-	175.851	172.780	3.071	269.044	-	269.044	93.193	-	93.193
	Vốn trong nước	1.041.213	-	1.041.213	1.041.213	147.561	-	-	-	147.561	144.598	2.964	227.655	-	227.655	80.093	-	80.093
	Vốn nước ngoài, trong đó.	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	170.295	-	170.295	170.295	28.290	-	-	-	28.290	28.182	107	41.389	-	41.389	13.100	-	13.100
	- Theo cơ chế tài chính trong nước															-	-	

[illegible]